

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2020/DS - PT
Ngày: 12 - 02 - 2020
V/v tranh chấp
hợp đồng vay tài sản,
tặng cho tài sản có điều kiện.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thu

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Đức

Ông Trần Tấn Quốc

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Thành - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Cẩm Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 388/2019/TLPT-DS ngày 23 tháng 12 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, tặng cho tài sản có điều kiện”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 170/2019/DS-ST ngày 14 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 38/2020/QĐ-PT ngày 20 tháng 01 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm 1943;

Địa chỉ: Ấp X, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An.

- Bị đơn:

1/. Trần Văn L, sinh năm 1972;

2/. Trần Thị Mỹ T, sinh năm 2000;

Cùng địa chỉ: Ấp X, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp của ông L: Ông Nguyễn Lương T1, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An. (Văn bản ủy quyền ngày 02/7/2019).

- *Người kháng cáo: Ông Trần Văn L – Bị đơn.*
(Tất cả các đương sự có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 06 tháng 6 năm 2019 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày:

Vào ngày 18/12/2016, bà H có cho ông L và vợ ông L là bà Huỳnh Thị H1 mượn số tiền 115.000.000 đồng, khi cho mượn hai bên có làm giấy nợ, do ông L, bà H1 ký tên vào giấy nợ. Do bà H1 chết vào ngày 14/01/2019 nên khởi kiện chị T vì chị T là con gái của bà H1 và ông L.

Trong giấy mượn nợ ngày 18/12/2016, bà H có hứa cho ông L 50.000.000 đồng để thờ cúng ông bà nhưng ông L đem bàn thờ ông bà bỏ ra ngoài sân nên bà H khởi kiện yêu cầu ông Trần Văn L và chị Trần Thị Mỹ T liên đới trả số tiền 115.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, bà H chỉ yêu cầu ông Trần Văn L và chị Trần Thị Mỹ T liên đới trả số tiền 115.000.000 đồng, không yêu cầu cha mẹ của bà Huỳnh Thị H1 trả nợ, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn ông Trần Văn L do ông Nguyễn Lương T1 đại diện trình bày:

Ngày 18/12/2016, ông L, bà H1 có ký giấy mượn bà H số tiền 115.000.000 đồng. Tuy nhiên, trong giấy mượn nợ, bà H có cho ông L số 50.000.000 đồng để thờ cúng.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 19/8/2019, ông L trình bày: Vợ ông tên Huỳnh Thị H1, sinh năm 1970. Vợ chồng tổ chức cưới năm 1998, có đăng kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H. Bà Huỳnh Thị H1 chết ngày 14/01/2019, ông L và bà H1 có một người con tên Trần Thị Mỹ T, sinh năm 2000. Vợ chồng ông có căn nhà cấp 4, cất trên thửa đất thổ 110m², ngang 5m, dài 22m, tại ấp X, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An, hiện ông đang đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Năm 2017, ông L và bà H1 có trả cho bà H số 15.000.000 đồng, việc trả tiền không có làm giấy tờ nhưng có bà Trần Ngọc P chứng kiến. Ngày 28/12/2018, ông L trả cho bà H 30.000.000 đồng, việc trả tiền không có làm giấy tờ nhưng có bà Trần Ngọc P và Mai Thị Huyền T2 chứng kiến. Ngày 05/01/2019, ông L trả cho bà H 10.000.000 đồng tuy nhiên bà H nói cho bà Phan Thị D vay nên ông đã giao bà D 10.000.000 đồng. Khoảng tháng 3 năm 2019, ông L có trả cho bà H 10.000.000 đồng, không giao trực tiếp cho bà H mà ông L nhờ chị ruột là bà Trần Ngọc P trả cho bà H. Tổng cộng ông L đã trả cho bà H 65.000.000 đồng nên ông L không đồng ý trả cho bà H số tiền 115.000.000 đồng.

Bị đơn Trần Thị Mỹ T trình bày: Bà H yêu cầu ông Trần Văn L và chị Trần Thị Mỹ T liên đới trả số tiền 115.000.000 đồng, chị T không đồng ý vì cha chị là ông L đã trả cho bà H 65.000.000 đồng, cộng 50.000.000 đồng tiền thờ cúng là 115.000.000 đồng. Đồng thời chị T xin vắng mặt vì bận công việc.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 170/2019/DS-ST ngày 14 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa quyết định:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 186, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 615 Bộ luật dân sự 2015.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H đối với ông Trần Văn L và chị Trần Thị Mỹ T về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

Buộc ông Trần Văn L và chị Trần Thị Mỹ T có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho bà Trần Thị H số tiền là 115.000.000 đồng (Một trăm mười lăm triệu đồng). Chị T có trách nhiệm liên đới trả nợ trong phạm vi tài sản do bà Huỳnh Thị H1 chết để lại.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 17/10/2019, bị đơn ông Trần Văn L kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Với lý do: Bà H đã cho ông L 50.000.000 đồng để thờ cúng; còn 65.000.000 đồng ông L đã trả xong cho bà H.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn không rút đơn kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và các đương sự tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đơn kháng cáo của bị đơn làm trong thời hạn luật quy định và hợp lệ, đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

- Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Theo giấy vay tiền tổng cộng là 115.000.000 đồng. Trong đó 50.000.000 đồng bà H cho ông L với điều kiện ông L phải thờ cúng ông bà. Năm 2019 ông L không thực hiện việc thờ cúng ông bà là vi phạm điều kiện của hợp đồng tặng cho tài sản nên bà H yêu cầu ông L, chị T trả lại 50.000.000 đồng là có căn cứ; đối với số tiền 65.000.000 đồng, bà H thừa nhận có nhận 50.000.000 đồng của ông L trả, còn lại số tiền 15.000.000 đồng bà H không thừa nhận và ông L không có chứng cứ chứng minh. Do đó, đề nghị chấp nhận một phần kháng cáo của ông L. Ông L và chị T phải trả cho bà H tổng cộng là 65.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến và quan điểm của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận và nghị án, xét thấy:

[1] Trong vụ án này có hai quan hệ pháp luật cần giải quyết, đó là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” và “Tặng cho tài sản có điều kiện”. Tòa án cấp sơ thẩm chỉ xác định tranh chấp hợp đồng vay tài sản là thiếu sót.

[2] Tại “Giấy cho mượn tiền” ngày 18/12/2016 có nội dung: “*Nguyễn Thị H... Tôi có cho con tôi tên là Trần Văn L ...số tiền 115.000.000 đồng tôi để dành cho con tôi năm mươi triệu đồng để thờ cúng ông bà. Còn lại sáu mươi triệu tên L phải trả cho tôi, trong sự sống hằng ngày...*” có bà H và vợ chồng ông Trần Văn L bà Huỳnh Thị H1 ký tên. Do bà H1 đã chết vào ngày 14/01/2019 nên bà H khởi kiện yêu cầu ông L và chị T (là con của bà H1 ông L) cùng liên đới trả nợ.

[3] Ông L do ông T1 đại diện cũng thừa nhận vợ chồng ông L, bà H1 có vay của bà H số tiền 115.000.000 đồng, theo giấy cho mượn tiền ngày 18/12/2016 và do vợ chết nên ông L giao việc thờ cúng ông bà cho người chị là bà Trần Ngọc P. Ông L không đồng ý theo yêu cầu của bà H vì 50.000.000 đồng bà H cho ông L để thờ cúng, 65.000.000 đồng còn lại ông L đã trả cho bà H xong.

[4] Thấy rằng, số tiền 50.000.000 đồng bà H cho ông L là có điều kiện ông L phải thờ cúng ông bà. Nhưng ông L đã giao việc thờ cúng ông bà lại cho người chị là bà Trần Ngọc P là vi phạm điều kiện tặng cho tài sản. Hiện nay bà H và ông L đã xảy ra mâu thuẫn và bà H không đồng ý để ông L thờ cúng ông bà nên ông L không còn đáp ứng điều kiện này, bà H sẽ trực tiếp thực hiện việc thờ cúng ông bà. Do đó, ông L, chị T phải hoàn lại cho bà H số tiền 50.000.000 đồng để bà H thờ cúng ông bà là phù hợp với Điều 288, Điều 462, điểm b, khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015.

[5] Đối số tiền vay 65.000.000 đồng, ông L cho rằng đã trả xong cho bà H các lần như sau: Năm 2017 trả 15.000.000 đồng; ngày 28/12/2018 trả 30.000.000 đồng; ngày 05/01/2019 trả 10.000.000 đồng; khoảng tháng 3/2019 trả cho bà H 10.000.000 đồng. Tổng cộng ông L đã trả cho bà H 65.000.000 đồng.

[6] Xét thấy, tại biên bản đối chất ngày 05/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, bà H không thừa nhận lần trả số tiền 15.000.000 đồng vào năm 2017 và ông L cũng không có chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở xác định ông L đã trả khoản 15.000.000 đồng cho bà H; những khoản còn lại: Ngày 28/12/2018 trả 30.000.000 đồng; ngày 05/01/2019 trả 10.000.000 đồng và khoảng tháng 3/2019 trả cho bà H 10.000.000 đồng thì bà H thừa nhận ông L có trả nhưng bà H cho rằng ông L trả cho khoản nợ khác là 50.000.000 đồng nhưng bà H không có chứng cứ chứng minh nên có cơ sở xác định ông L có trả cho bà H các khoản nêu trên tổng cộng là 50.000.000 đồng, phù hợp với lời trình bày của những người làm chứng như bà Trần Thị P, bà Phan Thị D và bà Mai Thị Kiều T2.

[7] Như vậy, tổng cộng số tiền ông L, chị T phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà H là 65.000.000 đồng (115.000.000 đồng – 50.000.000 đồng). Do đó chấp

nhận một phần yêu cầu của bà H. Buộc ông Trần Văn L và chị Trần Thị Mỹ T có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho bà Trần Thị H số tiền là 65.000.000 đồng. Chị T có trách nhiệm liên đới trả nợ trong phạm vi tài sản do bà Huỳnh Thị H1 chết để lại. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H đòi ông L, chị T trả số tiền còn lại là 50.000.000 đồng. Bà H không yêu cầu tính lãi nên không xem xét.

[8] Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H, buộc ông L, chị T liên đới trả 115.000.000 đồng là chưa đánh giá hết các chứng cứ khách quan của vụ án nên cần sửa một phần bản án sơ thẩm. Kháng cáo của ông L là có căn cứ chấp nhận một phần.

[9] Phát biểu của Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận một phần kháng cáo của ông L là có căn cứ.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm

Buộc ông Trần Văn L, chị Trần Thị Mỹ T liên đới chịu 3.250.000 đồng.

Bà Trần Thị H phải chịu án phí đối với phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận. Nhưng bà H là người cao tuổi có yêu cầu miễn án phí nên được Tòa án chấp nhận miễn án phí cho bà H.

[11] Về án phí dân sự phúc thẩm

Do sửa một phần bản án sơ thẩm nên ông L kháng cáo không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;
Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Trần Văn L;
Sửa một phần bản án sơ thẩm số 170/2019/DS-ST ngày 14 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa;

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 186, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các điều 470, 471, 474, 477 Bộ luật dân sự 2005;

Căn cứ vào các điều 288, 357, 462, 468, điểm b, khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H đối với ông Trần Văn L và chị Trần Thị Mỹ T về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản, tặng cho tài sản có điều kiện”.

Buộc ông Trần Văn L và chị Trần Thị Mỹ T có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho bà Trần Thị H số tiền là 65.000.000 đồng (*Sáu mươi lăm triệu đồng*). Chị T có trách nhiệm liên đới trả nợ trong phạm vi tài sản do bà Huỳnh Thị H1 chết để lại.

Khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, bên có nghĩa vụ chậm thi hành sẽ phải chịu thêm khoản tiền lãi tính trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H đòi ông L, chi T trả số tiền vay còn lại là 50.000.000 đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Trần Văn L và chị Trần Thị Mỹ T liên đới chịu 3.250.000 đồng. Miễn án phí cho bà Trần Thị H.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm

Ông Trần Văn L không phải chịu.

Hoàn trả ông Trần Văn L số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai số 0003793 ngày 22/10/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thu

